

Bản án số: 45/2020/DSST

Ngày: 14/9/2020.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các hội thẩm nhân dân gồm có:

1. Ông Trần Quang Thắng

2. Ông Võ Ánh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hai - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 477/2019/TLST-DS, ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-DS, ngày 11/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A Việt Nam

Địa chỉ: Số 75 đường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP A Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Văn Thanh C – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP A Việt Nam – Chi nhánh S

Người được ủy quyền lại ký đơn khởi kiện: Bà Trần Thị B – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP A Việt Nam – Chi nhánh S

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Hoàng Văn Q – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP A Việt Nam – Chi nhánh S – PGD E (Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 675/BIDV.BĐL ngày 14/5/2029). *Có mặt*

Bị đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm: 1982

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn 2, xã N, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. *Đều vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A Việt Nam trình bày:***

Ngày 16/11/2018, Ngân hàng TMCP A Việt Nam – Chi nhánh S – PGD E có ký với ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị K Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10567500/HĐTD, nội dung hợp đồng: Số tiền vay: 600.000.000 đồng, thời hạn vay 08 tháng, ngày đến hạn là 16/7/2019, lãi suất vay là 9,3%/ năm ($\approx 0,775\%$ / tháng và được điều chỉnh khi có sự thay đổi lãi suất cho vay của BIDV).

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên ông D, bà K đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 284, tờ bản đồ 119, diện tích 344,3m² được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL209758 ngày 20/11/2017, tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 01/2017/1056750/HĐBĐ ngày 12/12/2017 được UBND xã N chứng thực ngày 13/12/2017.

Từ khi vay cho đến nay ông D, bà K chưa thanh toán cho Ngân hàng được khoản nợ gốc nào, mới chỉ thanh toán được cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 27.670.671 đồng.

Nay khoản vay trên đã chuyển quá hạn đã lâu nhưng ông D, bà K đã bỏ đi khỏi địa phương trốn tránh không trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D, bà K phải trả cho Ngân hàng số nợ tính đến ngày 01/10/2019 là 627.179.469 đồng (Trong đó: nợ gốc là 600.000.000 đồng, lãi vay trong hạn 21.096.986 đồng, lãi vay quá hạn 5.885.753 đồng, phí chậm trả lãi 196.729 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 02/10/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận đã ký tại Hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông D, bà K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, Bị đơn ông D, bà K vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ kiện: Sau khi phân tích và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy phía nguyên đơn có đủ căn cứ pháp lý để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Vì vậy, Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông D, bà K phải trả cho Ngân hàng TMCP A Việt Nam – Chi nhánh S – PGD E tổng số nợ tính đến ngày 01/10/2019 là 627.179.469 đồng (Trong đó: nợ gốc là 600.000.000 đồng, lãi vay trong hạn 21.096.986 đồng, lãi vay quá hạn 5.885.753 đồng, phí chậm trả lãi 196.729 đồng) và ông D, bà K còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 02/10/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận đã ký tại Hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông D, bà K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông D, bà K là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo theo như quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ do phía nguyên đơn cung cấp ghi trong hợp đồng tín dụng, thì chính quyền địa phương cho biết hiện nay ông D, bà K đã bỏ đi khỏi địa phương thôn 2, xã N, huyện L, tỉnh Đắk Lắk mà không có tin tức gì. Phía nguyên đơn cũng đã xác nhận không biết địa chỉ cư trú hiện nay của bị đơn ở đâu. Khi bỏ đi, ông D, bà K không thông báo địa chỉ mới cho phía nguyên đơn biết. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn thì trường hợp này coi như bị đơn cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bị đơn ông D, bà K vắng mặt lần hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông D, bà K phải trả số tiền số nợ tính đến ngày 01/10/2019 là 627.179.469 đồng (Trong đó: nợ gốc là 600.000.000 đồng, lãi vay trong hạn 21.096.986 đồng, lãi vay quá hạn 5.885.753 đồng, phí chậm trả lãi 196.729 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 02/10/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận đã ký tại Hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông D, bà K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, thì thấy như sau:

Qua xem xét tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/10567500/HĐTD ngày 16/11/2018, Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2017/1056750/HĐBĐ ngày 12/12/2017, Giấy ủy quyền vay vốn ngày 14/12/2017, Bảng kê tính lãi và nội dung Kết luận giám định số: 85/PC09 ngày 10/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk về chữ ký. chữ viết mang tên Nguyễn Thị K trong các hợp đồng với Ngân hàng nói trên là do cùng một người bà Nguyễn Thị K ký và viết ra, thì đã có cơ sở xác định:

Vào ngày 16/11/2018, bà Nguyễn Thị K có ký hợp đồng tín dụng số số 01/2018/10567500/HĐTD vay của Ngân hàng TMCP A Việt Nam – Chi nhánh S – PGD E số tiền 600.000.000 đồng; thời hạn vay 08 tháng, ngày đến hạn trả là 16/7/2019, lãi suất vay là 9,3%/ năm ($\approx 0,775\%$ / tháng và được điều chỉnh khi có sự thay đổi lãi suất cho vay của BIDV). Ông Phạm Văn D có làm Giấy ủy quyền vay vốn để một mình bà Nguyễn Thị K đứng ra ký hợp đồng tín dụng nói trên.

Để bảo đảm cho khoản tiền vay, ông D, bà K có ký hợp đồng thế chấp cho ngân hàng cụ thể như sau: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 01/2017/1056750/HĐBĐ ngày 12/12/2017. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 284, tờ bản đồ 119, diện tích 344,3m² tại Thôn 2, xã N, huyện L, tỉnh Đắk Lắk được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL209758 ngày 20/11/2017 mang tên ông D, bà K.

Quá trình vay cho đến nay ông D, bà K mới trả được cho ngân hàng tiền lãi trong hạn là 27.670.671 đồng. Tổng số nợ của ông D, bà K còn nợ của Ngân hàng tính đến ngày 01/10/2019 là 627.179.469 đồng. Trong đó, nợ gốc là 600.000.000 đồng, lãi vay trong hạn 21.096.986 đồng, lãi vay quá hạn 5.885.753 đồng, phí chậm trả lãi 196.729 đồng.

Do bị đơn ông D, bà K vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nói trên, nên căn cứ vào Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc vợ chồng ông D, bà K phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A Việt Nam – Chi nhánh S – PGD E tổng số tiền nợ tính đến ngày 01/10/2019 là 627.179.469 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 600.000.000 đồng, tiền lãi vay trong hạn 21.096.986 đồng, tiền lãi vay quá hạn 5.885.753 đồng, phí chậm trả lãi 196.729 đồng. và tiền lãi phát sinh từ ngày 02/10/2019 cho tới khi thanh toán hết nợ gốc cho ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nói trên.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn: Để đảm bảo cho khoản nợ vay, ông D, bà K có ký hợp đồng thế chấp tài sản cho ngân hàng với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 284, tờ bản đồ 119, diện tích 344,3m² tại Thôn 2, xã N, huyện L, tỉnh Đắk Lắk được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL209758 ngày 20/11/2017 mang tên ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị K.

Xét thấy, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nói trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, cần công nhận hợp đồng thế chấp tài sản giữa vợ chồng ông D, bà K với ngân hàng có hiệu lực pháp luật. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông D, bà K vẫn không thanh toán được số nợ trên thì Ngân hàng TMCP A Việt Nam – Chi nhánh S – PGD E được quyền xử lý tài sản thế chấp (hoặc quyền yêu cầu thi hành án dân sự) để thu hồi số nợ theo như thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp đã ký.

[3] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Do kết luận giám định chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị K trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản là do cùng một người là bà Nguyễn Thị K ký và viết ra, đồng thời yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông D, bà K phải chịu toàn bộ tiền chi phí giám định là 5.040.000 đồng. Do phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí giám định nên ông D và bà K có trách nhiệm trả số tiền trên cho phía nguyên đơn.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông D, bà K phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Do phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông D, bà K có trách nhiệm trả số tiền trên cho phía nguyên đơn.

[5] Về án phí: Ông D, bà K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là:

$$20.000.000 \text{ đồng} + (227.179.469 \text{ đồng} \times 5\%) = 29.087.179 \text{ đồng}$$

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên phía nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 161, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 299, Điều 323, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 500 Bộ luật dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 56 và Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm.

Áp dụng Điều 15 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định 163/2006/NĐ-CP.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A Việt Nam.

Buộc vợ chồng ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị K phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A Việt Nam – Chi nhánh S – PGD E tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 01/10/2019 là 627.179.469 đồng (*Sáu trăm hai mươi bảy triệu một trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm sáu mươi chín đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 600.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 21.096.986 đồng, tiền lãi quá hạn là 5.885.753 đồng, phí chậm trả lãi là 196.729 đồng.

Ngoài ra, vợ chồng ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị K còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP A Việt Nam – Chi nhánh S – PGD E tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02/10/2019 trên số nợ gốc cho tới khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2018/10567500/HĐTD ngày 16/11/2018.

Nếu ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị K không thực hiện việc thanh toán toàn bộ số nợ trên thì Ngân hàng TMCP A Việt Nam – Chi nhánh S – PGD E được quyền xử lý tài sản thế chấp (hoặc quyền yêu cầu thi hành án dân sự) là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 284, tờ bản đồ 119, diện tích 344,3m² tại Thôn 2, xã N, huyện L, tỉnh Đắk Lắk được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL209758 cấp ngày 20/11/2017 mang tên ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị K.

Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị K phải chịu toàn bộ tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.040.000 đồng. Ông D và bà K có trách nhiệm trả số tiền này cho Ngân hàng TMCP A Việt Nam – Chi nhánh S – PGD E (do ngân hàng đã nộp tạm ứng và chi phí xong).

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị K phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Ông D và bà K có trách nhiệm trả số tiền này cho Ngân hàng TMCP A Việt Nam – Chi nhánh S – PGD E (do ngân hàng đã nộp tạm ứng và chi phí xong).

Về án phí: Ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị K phải chịu 29.087.179 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP A Việt Nam – Chi nhánh S 17.160.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai số AA/2019/0001290 ngày 12/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Văn Thịnh

